

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày 17-5-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Nguyễn Tuấn Khanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST – DS ngày 22/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền số 2036 ngày 28/11/2018 của Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thu Hà).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn H, sinh năm 1966.

Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh B.

(*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T cùng với người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị N trình bày :

Ngày 22/10/2018 chị Lê Thị Mộng T có cho vợ chồng ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V vay với số tiền là 350.000.000 đồng. Khi vay các bên có lập hợp đồng vay tiền có công chứng tại văn phòng Công chứng Huỳnh Hùng Dũng, thị xã Bình Long, Bình Phước. Sau khi ký hợp đồng vay tiền, chị T đã đưa cho ông H, bà V với số tiền là 350.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận vay là 01 tháng kể từ ngày 22/10/2018, lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Đến hạn theo thỏa thuận, ông H, bà V không trả tiền gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Nay bà T khởi kiện, yêu cầu ông H, bà V trả số tiền gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 22/10/2018 cho đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 20/12/2018 bị đơn bà Trần Thị Thanh V trình bày:

Ngày 22/10/2018 vợ chồng bà Trần Thị Thanh V, ông Ngô Văn H có làm hợp đồng vay tiền của chị Lê Thị Mộng T có công chứng tại Văn Phòng Huỳnh Hùng Dũng, Bình Long để vay với số tiền là 350.000.000 đồng và bà V, ông H đã nhận đủ số tiền là 350.000.000 đồng. Mục đích vay là trồng nấm và một phần mua đất. Đến hạn trả nợ do chưa bán được đất nên không có tiền trả nợ gốc và tiền lãi cho chị T. Trước yêu cầu của chị T bà V đồng ý trả nợ nhưng do chưa bán được đất nên xin chị T khi bán được đất sẽ trả tiền cho chị T.

Đối với ông Ngô Văn H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông H nhưng ông H không đến tòa án để trình bày ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V vay tiền của chị Lê Thị Mộng T đến hạn chưa trả nên đề nghị Tòa án buộc bà V, ông H phải trả nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Các vấn đề khác đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V có địa chỉ tại xã T, huyện H, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông H, bà V, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, bà Vũ Thị N đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Trần Thị Thanh V và ông Ngô Văn H nhưng ông H, bà V không đến tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời ông H, bà V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019 anh Trần Thanh P, sinh năm 1971 đại chỉ: Tổ 8, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh B khai: Anh P là chồng của chị Lê Thị Mộng T. Số tiền 350.000.000 đồng mà chị T đã cho ông H, bà V vay là tài sản riêng của chị T không phải là tài sản chung của vợ chồng. Do đó chị T khởi kiện ông H, bà V yêu cầu trả cho chị T số tiền đã vay anh P không có ý kiến gì và đề nghị tòa án không mời anh P tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Mộng T trình bày việc chị Lê Thị Mộng T có cho ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V vay với số tiền là 350.000.000, lãi suất do các bên thỏa thuận đến thời hạn trả ông H, bà V không trả tiền gốc và lãi như thỏa thuận. Từ đó có đủ căn cứ để xác định chị Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V trả số tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hợp đồng vay tài sản các bên có hợp đồng vay tiền có công chứng, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp pháp và có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bà Vũ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Mộng T yêu cầu ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Mộng V trả số tiền số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất từ ngày 22/10/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 20/12/2018 (Bút lục số 33) bà V thừa nhận có vay của chị Lê Thị Mộng T số tiền là 350.000.000 đồng, khi vay có làm hợp đồng công chứng và đồng ý trả số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng do chưa bán được đất nên chưa có tiền trả cho chị Lê Thị Thanh T.

Đối với ông Ngô Văn H mặc dù không đến tòa án để làm việc nhưng căn cứ vào hợp đồng vay tài sản được công chứng có chữ ký của ông H, lời khai của bà V thừa nhận hai vợ chồng ông H, bà V có vay số tiền trên do đó ông H phải có nghĩa vụ

cùng với bà V liên đới trả nợ cho chị Lê Thị Thanh T. Nên yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mộng T yêu cầu ông H, bà V phải trả số tiền là 350.000.000 đồng là có cơ sở.

Về thời điểm ông H, bà V vi phạm nghĩa vụ trả lãi: Tại phiên tòa bà N yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ thời điểm ngày 22/10/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài nghĩa vụ phải trả số tiền gốc còn phải chịu lãi suất.

Đối với mức lãi suất. Tại phiên tòa bà N là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Mộng T khẳng định mức lãi suất là do các bên tự thỏa thuận nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh mức lãi suất là bao nhiêu. Do đó hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mức lãi suất được hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với lãi suất trong hạn là 350.000.000 đồng x 1 tháng x 0.83 % tháng = 2.916.000 đồng.

Lãi quá hạn là 350.000.000 đồng 06 tháng 25 ngày x 1.245%/ tháng = 29.776.000 đồng.

Lãi trên lãi gốc trong hạn 2.916.000 đồng x 06 tháng 25 ngày x 0.83% / tháng = 165.384 đồng.

[4]. Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Theo yêu cầu của bà Vũ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2018 phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với phần đất thửa đất số 263, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông H, bà V cũng không làm đơn khiếu nại với Chánh án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản để được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông H, bà V cũng không tham gia phiên tòa và nêu ý kiến của mình về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2018 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V.

Số tiền bảo đảm 30.000.000đ chị Trần Thị Mộng T đã đóng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01 /2018/QĐ-BPBD ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –phòng giao dịch Tân Khai - Chi nhánh huyện Hớn Quản ngày 12/12/2018 tại tài khoản số 5616215012670 được trả lại cho chị Lê Thị Mộng T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Về án phí: Ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 274, 275, 276, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của chị Lê Thị Mộng T tuyên xử:

Ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Mộng T số tiền là 382.857.384 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi tư đồng). Trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Tiền lãi là 32.857.384 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi tư đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2018 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –phòng giao dịch Tân Khai - Chi nhánh huyện Hớn Quản ngày trả lại cho chị Lê Thị Mộng T số tiền 30.000.000 đồng đã đóng tại tài khoản số 5616215012670 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Ngô Văn H, bà Trần Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 19.142.869 đồng (Mười chín triệu một trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm sáu chín đồng).

Chị Lê Thị Mộng T không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho chị Lê Thị Mộng T số tiền 8.837.500 đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005039 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[4]: Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Thanh